

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM THÀNH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/7/2018

V/v: *Ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thế Hưng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Xuân Tim.

2. Bà Nguyễn Thị Quy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành:** Ông Nguyễn Duy Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị B**, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Triệu Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/3/2015 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 1,5 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do: bất đồng về quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Anh T ghen tuông nên vợ chồng có xô xát, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đây là lần kết hôn thứ hai nên chị cố nín nhịn để gia đình êm ấm. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, do vậy ngày 17/11/2016 chị đã bỏ ra ngoài thuê trọ. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: chị B xác định không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị B xác định vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến do vậy không ghi được lời khai.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở UBND thị trấn P, nơi cư trú của anh Nguyễn Văn T và tại trụ sở TAND huyện Kim Thành theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh tại UBND thị trấn P xác định: Chị Triệu Thị B và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào ngày 25/3/2015, địa phương không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng B T, chỉ biết hiện chị B không sống cùng anh T mà hiện đang thuê nhà sống ở nơi khác.

Theo lời khai của bà Đỗ Thị H là phó trưởng thôn T xác định: Vợ chồng B T có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể như thế nào bà không nắm được. Hai vợ chồng sống với nhau được khoảng nửa năm thì chị B bỏ đi, hiện chị B không còn sống cùng anh T. Nhiều lần bà cũng đã khuyên giải hai vợ chồng nhưng không được, bà đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T, anh T nhận nhưng không ký vào biên bản và trả lời không đến Tòa án làm việc, anh không đuổi chị B đi nên chị B tự đi thì tự về và muốn giải quyết ly hôn thì cũng tự làm một mình.

Theo lời khai của bà Bùi Thị M, bà Nguyễn Thị H là hàng xóm xác định: Các bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng B T là gì, các bà chỉ biết hiện chị B không sống cùng anh T nữa nhưng vào thời gian nào thì các bà không nắm được. Các bà cũng đã khuyên giải cho hai vợ chồng nhưng không được.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị B có mặt và giữ nguyên quan điểm, anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Kim Thành phát biểu quan điểm xác định những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không chấp hành đúng quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị tòa án áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xử vắng mặt anh T.

- Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị TAND huyện Kim Thành áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Các đương sự đều cư trú tại thị trấn P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị B theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Thành. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Triệu Thị B và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2015 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ vào lời khai của chị B, biên bản xác minh và các lời khai của các người làm chứng xác định vợ chồng B T có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, cách sống nên vợ chồng hay cãi nhau, mặc dù được mọi người khuyên giải nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp diễn. Vợ chồng sống mỗi người một nơi từ tháng 11/2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị B đến nay anh T không đến Tòa theo giấy triệu tập và tham gia hòa giải như vậy thấy rằng anh T không thiết tha để đoàn tụ vợ chồng. Còn chị B vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh T, không muốn đoàn tụ. Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng B T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, xử cho chị B được ly hôn anh T là phù hợp thực tế và các quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị B xác định anh chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét. Do anh T chưa có lời khai, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị B: Xử cho chị Triệu Thị B ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về án phí: Chị Triệu Thị B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000707 ngày 22/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành. Chị B đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho chị Triệu Thị B biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, báo cho anh Nguyễn Văn T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thế Hưng**